

BÀI GIẢNG TOÁN 7 TUẦN 7

ĐẠI SỐ

TIẾT 1 : LUYỆN TẬP: TÍNH CHẤT DÃY TỈ SỐ BẰNG NHAU

Bài 1 : Tìm x, biết :

- a) $(\frac{1}{3} \cdot x) : \frac{2}{3} = 1\frac{3}{4} : \frac{2}{5}$
- b) $4,5 : 0,3 = 2,25 : (0,1 \cdot x)$
- c) $8 : (\frac{1}{4} \cdot x) = 2 : 0,02$

Bài 2 : Tìm x, y biết:

- a) $\frac{x}{7} = \frac{y}{9} = \frac{z}{11}$ và $2x + y - z = 6$
- b) $\frac{x}{4} = \frac{y}{6}, \frac{y}{8} = \frac{z}{9}$ và $x - 2y + z = 15$
- c) $\frac{x}{-5} = \frac{y}{9}, \frac{y}{12} = \frac{z}{-7}$ và $2x - z = 7$

Bài 3 : Tỉ số hai cạnh của mảnh vườn hình chữ nhật là 1,2 và chu vi là 66m. Tính diện tích mảnh vườn hình chữ nhật đó?

Bài 4 : Ba lớp 7A, 7B , 7C quyên góp được 540 ngàn để ủng hộ các bạn Huyện đảo Trường Sa mua sách vở nhân dịp năm học mới. Hỏi mỗi lớp quyên góp được bao nhiêu tiền? Biết rằng số tiền ba lớp quyên góp theo tỉ lệ 4, 2, 3 .

TIẾT 2 : BÀI 10 : LÀM TRÒN SỐ

1, Ví dụ.

- a) Ví dụ 1: Làm tròn các số sau đến hàng đơn vị:

$4,3 \simeq 4$
 $4,9 \simeq$
 $0,5 \simeq$
 $-1,7 \simeq$
 $-12,4 \simeq$

⇒ Để làm tròn một số thập phân đến hàng đơn vị, ta lấy số nguyên gần với số đó nhất.

- b) Ví dụ 2: Làm tròn các số sau đến hàng nghìn (làm tròn nghìn).

$72900 \simeq 73000$
 $168400 \simeq 168000$
 $29500 \simeq$
 $59600 \simeq$

- c) Ví dụ 3 : Làm tròn các số sau đến chữ số thập phân thứ ba (hàng phần nghìn)

$0,8134 \simeq 0,813$
 $-7,5477 \simeq$
 $-16,3995 \simeq$

2, Quy ước làm tròn số.

Trường hợp 1: Nếu chữ số đầu tiên trong các chữ số bị bỏ đi nhỏ hơn 5 thì ta giữ nguyên bộ phận còn lại. Trong trường hợp số nguyên thì ta thay các chữ số bị bỏ đi bằng các chữ số 0.

Ví dụ: a) $86,149 \approx 86,1$

b) $542 \approx 540$

Trường hợp 2: Nếu chữ số đầu tiên trong các chữ số bị bỏ đi lớn hơn hoặc bằng 5 thì ta cộng thêm 1 vào chữ số cuối cùng của bộ phận còn lại. Trong trường hợp số nguyên thì ta thay các chữ số bị bỏ đi bằng các chữ số 0.

Ví dụ: a) $0,0861 \approx 0,09$.

b) $1573 \approx 1600$

- ?2 a) Làm tròn số 79,3826 đến chữ số thập phân thứ ba.
b) Làm tròn số 79,3826 đến chữ số thập phân thứ hai.
c) Làm tròn số 79,3826 đến chữ số thập phân thứ nhất.

3. Bài tập áp dụng

Bài 73. Làm tròn các số sau đến chữ số thập phân thứ hai
 $7,923$; $17,418$; $79,1364$; $50,401$; $0,155$; $60,996$.

Bài 74. Hết học kỳ I, điểm Toán của bạn Cường như sau:

Hệ số 1: 7; 8; 6; 10.

Hệ số 2: 7; 6; 5; 9.

Hệ số 3: 8.

Em hãy tính điểm trung bình môn Toán học kỳ I của bạn Cường (làm tròn đến số thập phân thứ nhất).

HÌNH HỌC

TIẾT 1+2: ÔN TẬP CHƯƠNG 1

I. Lý thuyết

1. Phát biểu định nghĩa hai góc đối đỉnh
2. Phát biểu định lý về hai góc đối đỉnh
3. Phát biểu định nghĩa hai đường thẳng vuông góc
4. Phát biểu định nghĩa đường trung trực của một đoạn thẳng
5. Phát biểu dấu hiệu (định lý) nhận biết hai đường thẳng song song
6. Phát biểu tiên đề O - clit về đường thẳng song song.
7. Phát biểu tính chất (định lý) của hai đường thẳng song song

8. Phát biểu định lý về hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng thứ ba.
9. Phát biểu định lý về hai đường thẳng phân biệt cùng song song với một đường thẳng thứ ba.
10. Phát biểu định lý về một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song,

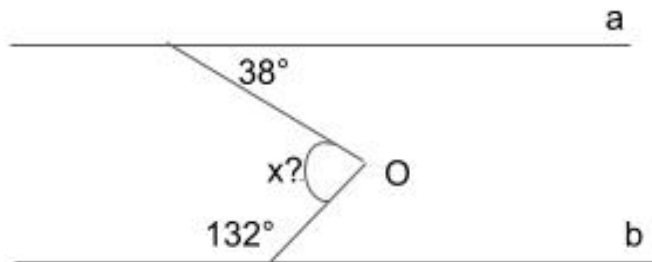
II. Bài tập

1. Bài 1: Cho đoạn thẳng AB dài 28mm. Hãy vẽ đường trung trực của đoạn thẳng ấy.

2. Bài 2: Cho hình vẽ sau:

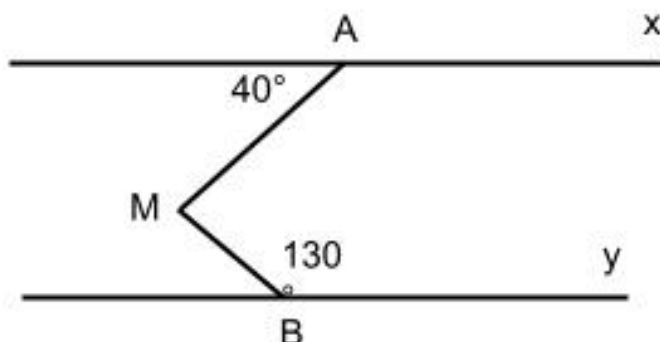
Biết $a \parallel b$. Tính số đo x của góc θ ?

Hướng dẫn: Vẽ đường thẳng song song với a qua O .

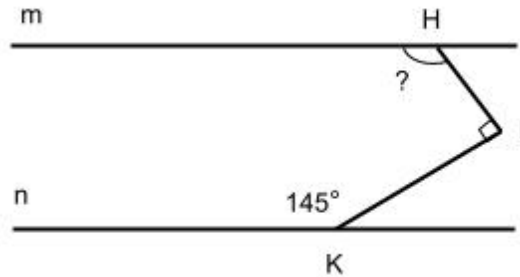


3. Bài 3: Cho hình vẽ bên:

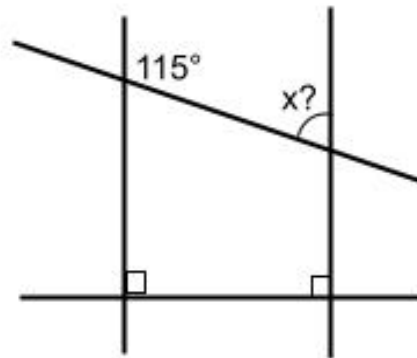
Biết $x \parallel y$. Chứng tỏ AM vuông góc với MB?



4. Bài 4: Tính số đo của góc mHI trong hình vẽ sau.
 Biết $m \parallel n$.

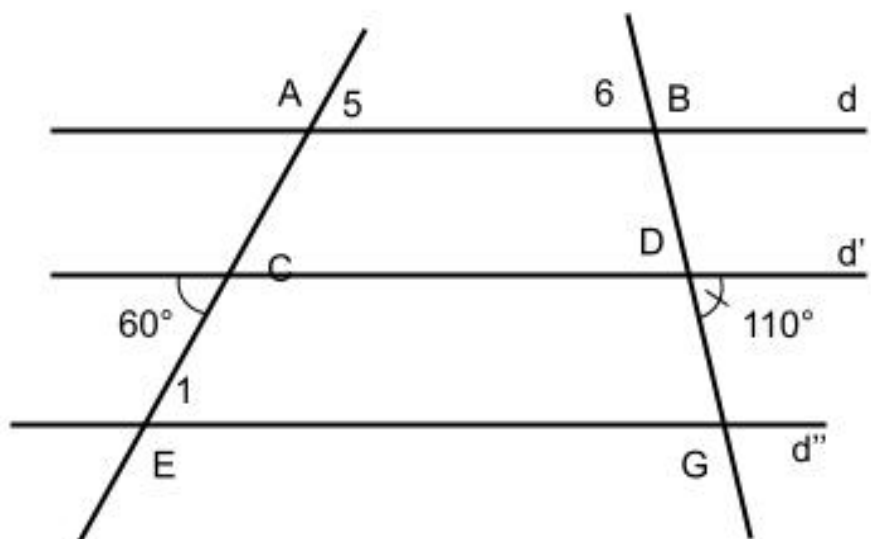


5. Bài 5: Tìm số đo x trong hình vẽ sau. Giải thích vì sao tính được như vậy?



6. Bài 6: Cho hình dưới đây. Biết $d \parallel d' \parallel d''$.

Tính số đo các góc $\widehat{E1}$, $\widehat{G2}$, $\widehat{G3}$, $\widehat{D4}$, $\widehat{A5}$, $\widehat{B6}$?



7. Bài 7: Hãy phát biểu định lí được diễn tả bằng hình vẽ sau, rồi viết giả thiết, kết luận của định lí đó.

